

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH LỤC  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/9/2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Minh Khánh và ông Trần Ngọc Sơn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Như Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng D, sinh năm 1993; nơi thường trú và cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tống Đức Nh, sinh năm 1993; nơi thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tống Đức Nh tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nh chơi bời sử dụng ma túy đá; không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập chị. Giữa năm 2018 anh Nh bị bắt về tội mua bán ma túy. Tháng 9/2023 anh Nh ra tù về địa phương. Tuy nhiên anh Nh không thay đổi, vẫn có hành vi đe

dọa, đánh đập chị D. Tháng 11/2023 chị cùng hai con về ở với bố mẹ đẻ của chị và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nh để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Nh có 02 con chung là cháu Tổng Bảo A, sinh ngày 26/7/2014 và cháu Tổng Đức Q, sinh ngày 26/7/2016. Hiện chị đang nuôi dưỡng cả hai cháu. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, học tập tốt. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai cháu; không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị và hai cháu A, Q đang ở ổn định cùng với bố mẹ đẻ của chị và chị đang làm nhân viên kinh doanh cho công ty sữa 2 Holding, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 09 triệu đến 10 triệu đồng. Chị D xác định, cháu Tổng Bảo A, sinh ngày 26/7/2014 nhưng đến ngày 16/9/2015 chị và anh Nh mới đăng ký kết hôn và cháu A là con chung của vợ chồng.

Chị D xác định, chị và anh Nh không có con nuôi, con riêng, hiện chị không có thai sản gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Tổng Đức Nh không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án và chỉ có quan điểm “Không đến Tòa án để làm việc và không trình bày gì, chị D làm đơn khởi kiện ly hôn thì chị D tự làm việc và giải quyết với Tòa án”.

Tại các Biên bản lấy lời khai của cháu Tổng Bảo A và cháu Tổng Đức Q thì các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng D đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Tổng Đức Nh chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng D. Xử cho chị Trần Thị Hồng D ly hôn anh Tổng Đức Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Tổng Bảo A, sinh ngày 26/7/2014 và cháu Tổng Đức Q, sinh ngày 26/7/2016 cho chị D nuôi dưỡng. Anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nh không có quan điểm.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng D xin ly hôn anh Tổng Đức Nh, đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Nh có nơi thường trú và cư trú tại tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Nh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Lục tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng D và anh Tổng Đức Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16/9/2015, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị D xác định vợ chồng chung sống được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị D cho rằng do anh Nh chơi bời sử dụng ma túy đá, không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập chị. Năm 2018, anh Nh bị Tòa án xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đến tháng 9/2023 anh Nh chấp hành xong án phạt tù về địa phương nhưng không chịu khó lao động cùng chị D xây dựng kinh tế gia đình, không gắn kết tình cảm vợ chồng và thường xuyên đánh đập chị D làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần cùng với chính quyền địa phương đến nhà anh Tổng Đức Nh để giao Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nh. Tại biên bản giao Thông báo thụ lý vụ án thể hiện anh Nh có ý kiến là “không đến Tòa án, chị D có đơn ly hôn thì chị D tự làm việc với Tòa án”. Sau đó anh Nh đã trốn tránh và không hợp tác, qua đồng chí Tổ trưởng tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B cung cấp số điện thoại của anh Nh, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục đã liên lạc với anh Nh, qua điện thoại anh Nh có quan điểm “Không đến Tòa án để làm việc và không trình bày gì, chị D làm đơn

khởi kiện ly hôn thì chị D tự làm việc và giải quyết với Tòa án”. Việc làm trên của anh Nh thể hiện sự bỏ mặc và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D luôn có quan điểm mong muốn và kiên quyết được ly hôn anh Nh và chị xác định việc anh Nh không tham gia giải quyết việc chị kiện ly hôn tại Tòa án là cố tình gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, xét khả năng chị D, anh Nh đoàn tụ về chung sống là không còn, vì vậy chấp nhận đề nghị của chị D, xử cho chị D ly hôn anh Nh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Hồng D và anh Tống Đức Nh có 02 con chung là cháu Tống Bảo A, sinh ngày 26/7/2014 và cháu Tống Đức Q, sinh ngày 26/7/2016. Hiện hai cháu đang ở với chị D và các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ năm 2018 đến tháng 9/2023, anh Nh phải đi chấp hành án phạt tù thì các cháu A, Q đều do chị D nuôi dưỡng. Hiện chị D có nơi ăn ở ổn định cùng bố mẹ đẻ chị, có thu nhập ổn định mỗi tháng từ 09 đến 10 triệu đồng từ việc làm nhân viên cho Công ty sữa. Việc chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu có sự hỗ trợ của bố mẹ chị D. Nên chị D có đủ điều kiện nuôi dưỡng hai cháu. Hiện anh Nh không có nghề nghiệp và thu nhập. Do vậy để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi của hai cháu A, Q; Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị D nuôi dưỡng các cháu A, Q; anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các cháu A, Q và quan điểm của chính quyền địa phương.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Nh không tham gia tố tụng tại Tòa án để trình bày quan điểm do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị D, anh Nh xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Xử cho chị Trần Thị Hồng D ly hôn anh Tống Đức Nh.**

2. Về con chung: Giao cháu Tổng Bảo A, sinh ngày 26/7/2014 và cháu Tổng Đức Q, sinh ngày 26/7/2016 cho chị Trần Thị Hồng D nuôi dưỡng. Anh Tổng Đức Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D.

Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tổng Bảo A và cháu Tổng Đức Q.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị D đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000619 ngày 21/6/2024 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp (chị D đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị Hồng D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Tổng Đức Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn B; B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Hằng**